

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán, quản lý, điều hành ngân năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 7565/STC-NS ngày 04/9/2026 của Sở Tài chính về kế hoạch làm việc với các xã, phường, đặc khu về công tác quản lý, điều hành ngân sách địa phương, UBND xã Hải Lăng báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách, công tác quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2026 với các nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026:

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN:

Theo dự toán được giao, thu NSNN trên địa bàn xã năm 2026 là 28.395 triệu đồng; thu ngân sách xã được hưởng là 24.770 triệu đồng, trong đó thu không kể tiền sử dụng đất là 19.395 triệu đồng.

1.1. Kết quả ước thu 9 tháng đầu năm 2026 như sau: Tổng thu ngân sách địa nhà nước ước thực hiện 160.236 triệu đồng, đạt 112,2% dự toán giao.

Thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện là 29.577 triệu đồng (đạt 104,2% dự toán giao), trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng ước thực hiện là 20.257 triệu đồng (đạt 81,8% dự toán giao).

Nếu không tính tiền sử dụng đất thì thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện là 17.459 triệu đồng (đạt 90% dự toán giao), trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng ước thực hiện là 12.940 triệu đồng (đạt 66,8% dự toán giao)

Một số khoản thu đạt và vượt dự toán giao là: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước thực hiện 57 triệu đồng (đạt 162,9% dự toán), Thuế TNCN ước thực hiện 680 triệu đồng (đạt 151,1% dự toán), thu tiền thuê đất ước thực hiện 430 triệu đồng (đạt 252,9% dự toán), tiền sử dụng đất ước thực hiện 12.118 triệu đồng (đạt 134,6% dự toán).

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khoản thu ước thực hiện 9 tháng đầu năm còn thấp: Thu ngoài quốc doanh ước thực hiện 10.100 triệu đồng (đạt 74% dự toán), trong đó, địa phương hưởng 8.000 triệu đồng (đạt 58,6% dự toán).

Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác ước thực hiện 115 triệu đồng (đạt 35,9% dự toán). Thu khác ngân sách địa phương được hưởng ước thực hiện 26 triệu đồng (đạt 8,7% dự toán), Phí lệ phí ngân sách địa phương được hưởng ước thực hiện 115 triệu đồng (đạt 52,3% dự toán).

1.2. Ước thực hiện năm 2026:

Trên cơ sở số liệu thực hiện 9 tháng đầu năm và rà soát khả năng phát sinh nguồn thu trong 3 tháng cuối năm, UBND xã ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn năm 2026 như sau:

Tổng thu ngân sách địa nhà nước ước thực hiện 183.000 triệu đồng, đạt 128,2% dự toán giao.

Thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện năm 2026 là 32.430 triệu đồng (đạt 114,2% dự toán giao), trong đó: Thu ngân sách địa phương được hưởng ước thực hiện là 23.100 triệu đồng (đạt 93,3% dự toán giao).

Nếu không tính tiền sử dụng đất thì thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện là 20.230 triệu đồng (đạt 104,3% dự toán giao). Thu ngân sách địa phương được hưởng ước thực hiện là 15.780 triệu đồng (đạt 81,5% dự toán giao), tương ứng với **số hụt thu là 3.590 triệu đồng**.

Một số khoản thu đạt và vượt dự toán giao là: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước thực hiện 60 triệu đồng (đạt 171,4% dự toán), Thuế TNCN ước thực hiện 700 triệu đồng (đạt 155,6% dự toán), thu tiền thuê đất ước thực hiện 450 triệu đồng (đạt 264,7% dự toán), tiền sử dụng đất ước thực hiện 12.200 triệu đồng (đạt 135,6% dự toán).

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khoản thu ước thực hiện năm 2026 còn thấp gồm:

- Thu ngoài quốc doanh ước thực hiện 12.000 triệu đồng (đạt 87,9% dự toán), trong đó, địa phương hưởng 10.000 triệu đồng (đạt 73,3% dự toán), tương ứng **số hụt thu là 3.650 triệu đồng**.

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác ước thực hiện 130 triệu đồng (đạt 40,6% dự toán), tương ứng số hụt thu là 90 triệu đồng.

- Thu khác ước thực hiện 331 triệu đồng (đạt 110,1% dự toán), trong đó thu khác ngân sách địa phương được hưởng ước thực hiện 30 triệu đồng (đạt 10% dự toán), tương ứng số hụt thu là 270 triệu đồng

- Phí lệ phí ước thực hiện 279 triệu đồng (đạt 126,8% dự toán), trong đó ngân sách địa phương được hưởng 139 triệu đồng (đạt 63,2% dự toán), tương ứng số hụt thu là 80 triệu đồng

(Số liệu chi tiết phụ lục đính kèm)

1.3. Nguyên nhân tăng, giảm thu:

Nguồn thu NQD còn khó khăn do doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; năng lực sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh còn hạn chế. Một số doanh nghiệp trọng điểm có số nộp ngân sách không ổn định.

Thị trường bất động sản phục hồi nhưng chưa mạnh; vì vậy nguồn thu thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ từ chuyển nhượng bất động sản chưa ổn định. Lệ phí trước bạ phương tiện có tính thời điểm, phụ thuộc nhu cầu tiêu dùng.

Số thu NQD chủ yếu là thu nợ đọng và các khoản nợ khó thu của năm trước chuyển sang. Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi 2025) quy định về đối tượng không chịu thuế và Nghị định 359/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025) quy định chi tiết một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026, theo đó từ ngày 01/01/2026, các sản phẩm nông sản, gỗ rừng trồng chỉ qua sơ chế thông thường do tổ chức, cá nhân tự sản xuất bán ra và ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế. Doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế bán sản phẩm nông sản, gỗ rừng trồng chỉ qua sơ chế thông thường cho

doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác ở khâu kinh doanh thương mại thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng. Dự kiến năm 2026, khi thực hiện chính sách này số thu từ 02 đơn vị trọng điểm trên địa bàn giảm **2,5 tỷ đồng** (Công ty TNHH MTV Gỗ Thu Hằng dự kiến giảm khoảng 2 tỷ đồng và Công ty CP chế biến nông sản Hưng Lộc giảm khoảng 500 triệu đồng).

- Về khoản thu khác: Mặc dầu thu khác ngân sách xã ước vượt dự toán giao giao. Tuy nhiên thu khác trong năm 2026 trên địa bàn xã chủ yếu phát sinh từ các khoản xử phạt, thu khác do các cơ quan Trung ương như Công an, cơ quan Thuế thực hiện và phần lớn được điều tiết về ngân sách cấp trên. Phần ngân sách địa phương được hưởng có quy mô nhỏ, không ổn định.

- Đối với nguồn thu từ quỹ đất công ích (quỹ đất 5%), qua rà soát tình hình thực hiện thu 9 tháng đầu năm 2026 và khả năng khai thác trong thời gian còn lại của năm, phần diện tích có đủ điều kiện pháp lý, phù hợp quy hoạch và có khả năng khai thác tạo nguồn thu đã cơ bản được rà soát, xử lý và tổ chức khai thác theo quy định.

2. Tình hình thực hiện chi NSNN:

UBND xã thực hiện công tác điều hành thu, chi ngân sách theo dự toán được giao và các quy định hiện hành. Tăng cường quản lý các nguồn thu ngân sách; thực hiện chi ngân sách bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, định mức; ban hành văn bản điều hành chi ngân sách theo tiến độ thu trong điều kiện dự báo hụt thu ngân sách do tác động của các chính sách thuế và tình hình thực tế của địa phương. Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội, thành lập mới các đơn vị y tế, trường học; quốc phòng - an ninh, phòng chống cháy rừng, phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ cấp thiết của địa phương v.v..

Ước thực hiện chi 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Tổng chi ngân sách: 128.542 triệu đồng (đạt 93,5% dự toán), trong đó:

2.1. Chi đầu tư các dự án, công trình: ước thực hiện: 8.068 triệu đồng, đạt 103,4% dự toán giao, trong đó:

Chi từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung ước đạt: 2.327 triệu đồng (đạt 87,2% dự toán), Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất ước đạt: 3.929 triệu đồng (đạt 76,6% dự toán) và chi từ nguồn vốn chuyển nguồn năm 2025 sang: 1.812 triệu đồng

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư ước đạt 80,2%.

2.2. Chi thường xuyên: ước thực hiện: 67.474 triệu đồng, đạt 77,9% dự toán.

2.3. Chi dự phòng: ước thực hiện: 1.000 triệu đồng, đạt 51% dự toán.

2.4. Chi chương trình mục tiêu: 52.000 triệu đồng (đạt 126,4% dự toán)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG

1. Về tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương: UBND xã đã giao dự toán năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị, trường học đầu năm. Hiện nay, UBND xã đang chỉ đạo Phòng Kinh tế, các cơ quan, đơn vị, trường học rà soát kinh phí tiền lương chưa được bố trí như: Nâng lương định kỳ, nâng lương trước thời hạn...

2. Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến cán bộ, công chức và các đối tượng có liên quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy:

- Đến nay, Số tiền thực hiện Nghị định 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ đã được phê duyệt: 3.306.158.000 đồng, trong đó đã chi trả: 2.855.261.000 đồng, chưa chi trả: 450.897.000 đồng do đối tượng giáo viên nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 01/9/2026, UBND xã đang trình tỉnh phân bổ và cấp bổ sung kinh phí để thực hiện.

- Nhu cấp kinh phí thực hiện một số chế độ chính sách CCTL theo Nghị định 161/2026/NĐ-CP; các chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo theo Nghị định số 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ; Phụ cấp ưu đãi nhân viên y tế theo Nghị định 350/2026/NĐ-CP của Chính phủ..., tổng nhu cầu kinh phí còn thiếu là 9.942 triệu đồng. *(Chi tiết theo Công văn báo cáo chế độ chính sách CCTL và an sinh xã hội)*

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI

- Nhu cầu, kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội: Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025; Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ; Kinh phí phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3-5 tuổi theo Nghị định 277/2025/NĐ-CP; Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013; Các chính sách hỗ trợ BHYT theo quy định tại Luật BHYT và Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ; Các chính sách thuộc sự nghiệp đảm bảo xã hội; Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa. Tổng kinh phí còn thiếu là 7.332 triệu đồng. *(Chi tiết theo Công văn báo cáo chế độ chính sách CCTL và an sinh xã hội)*

IV. CÔNG TÁC THỰC HIỆN CÁC CTMTQG:

- CTMTQG năm 2025 chuyển sang: UBND xã đã và đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện giải ngân, thanh toán nguồn kinh phí CTMTQG năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026.

- Triển khai thực hiện nguồn vốn các CTMTQG được giao năm 2026:

UBND xã đã triển khai các CTMTQG năm 2026:

+ Về CTMTQG xây dựng Nông thôn mới và giảm nghèo bền vững: Tại Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của UBND tỉnh phân bổ vốn ngân sách TW cho xã Hải Lăng là: 1.261.500.000 đồng. UBND xã đã trình HĐND xã phân bổ kế hoạch đầu tư công cho 2 công trình. UBND xã đang chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện tham mưu giải ngân theo quy định.

+ Về CTMTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035: Tại Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh phân bổ vốn ngân sách TW cho xã Hải Lăng là: 1.203.000.000 đồng (trong đó: Vốn sự nghiệp: 168.000.000 đồng và vốn đầu tư công: 1.035.000.000 đồng). UBND xã đang đề nghị HĐND thông qua Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công và vốn sự nghiệp năm 2026 thực hiện CTMTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn xã Hải Lăng tại phiên họp chuyên đề ngày 22/9/2026

V. CÔNG TÁC GIAO DỰ TOÁN VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI

Công tác thu gom rác thải do các Hợp tác xã và thôn (không có HTX) trực tiếp tổ chức thực hiện (thu phí từ người dân) và hợp đồng với Trung tâm Môi trường đô thị huyện Hải Lăng (nay là xã Diên Sanh) để vận chuyển rác thải đến bãi rác tập trung của huyện Hải Lăng (cũ). Năm 2026, xã Hải Lăng chưa được tính bố trí kinh phí riêng để thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải. Tuy nhiên, để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, UBND xã đã bố trí dự toán kinh phí cho các đơn vị dự toán như Phòng Kinh tế xã, Trung tâm DV tổng hợp xã để hỗ trợ cho các HTX, chợ, thu gom rác và xử lý rác thải vô chủ; thu gom xử lý bao thuốc BVTV số tiền là 149 triệu đồng từ sự nghiệp môi trường theo định mức chi tại Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026. Đến nay, các đơn vị được UBND xã giao dự toán cơ bản đã thực hiện xong.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

1. Đối với dự toán thu ngân sách năm 2026:

- Qua rà soát, việc thay đổi chính sách thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/01/2026 đối với một số sản phẩm nông sản, gỗ rừng trồng và sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường đã tác động trực tiếp đến nguồn thu khu vực kinh tế ngoài quốc doanh trên địa bàn, số thu ngoài quốc doanh địa phương được hưởng ước giảm khoảng 3.650 triệu đồng trong năm 2026, chủ yếu liên quan đến một số doanh nghiệp, lĩnh vực trọng điểm. Bên cạnh đó, một số khoản thu (thu khác ngân sách, thu quỹ đất công ích) tại địa phương có quy mô nhỏ, không ổn định, phần diện tích có đủ điều kiện pháp lý, phù hợp quy hoạch và có khả năng khai thác tạo nguồn thu đã cơ bản được rà soát, xử lý và tổ chức khai thác theo quy định đạt thấp.

Dự kiến số hụt thu ngân sách địa phương hưởng là 3.590 triệu đồng.

UBND xã Hải Lăng kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài chính xem xét tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh dự toán thu khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu khác, thu quỹ đất công ích và có phương án bố trí, bổ sung nguồn để bù đắp phần hụt thu do nguyên nhân chính sách, và khả năng thực tế của địa phương bảo đảm cân đối và thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách địa phương.

2. Đối với chi NSNN năm 2026:

Kính đề nghị Sở Tài chính xem xét thẩm định và bổ sung kinh phí để thực hiện:

- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội, CCTL, phụ cấp
- Một số chế độ chính sách khác:

+ Kinh phí mừng thọ người cao tuổi: 50,354 triệu đồng (*Tờ trình số 879/TTr-UBND ngày 22/5/2026*)

+ Kinh phí khen thưởng Huy hiệu 30, 35, 40, 50 tuổi đảng: 194 triệu đồng (*Tờ trình số 1624/TTr-UBND ngày 13/8/2026*)

+ Kinh phí trợ cấp hàng tháng đối với đảng viên từ 50 năm tuổi đảng trở lên: 22 triệu đồng (*Tờ trình số 1229/TTr-UBND ngày 03/7/2026*)

+ Kinh phí thực hiện Luật DQTV (Phụ cấp, trợ cấp, ngày công huấn luyện) năm 2026: 1.022 triệu đồng (*Tờ trình số 1525/TTr-UBND ngày 06/8/2026*)

+ Kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 154: (*Tờ trình số 1862/TTr-UBND ngày 16/9/2026*)

+ Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp thôi việc Nghị định số 170/2025/NĐ-CP: Hiện nay, xã Hải Lăng có 02 công chức xin thôi việc theo Nghị định số 170/2025/NĐ-CP. Tổng kinh phí chi trả chế độ trợ cấp thôi việc cho 02 công chức trên là 174 triệu đồng, theo qui định tại Nghị định số 170/2025/NĐ-CP thì nguồn chi trả là từ nguồn chi thường xuyên đã được cấp thẩm quyền giao. Tuy nhiên, ngân sách xã khó khăn, kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài chính xem xét cấp bổ sung cho xã để chi trả.

+ Kinh phí chi trả chế độ phụ cấp trực theo Nghị định số 192/2026/NĐ-CP năm 2026: 154,1 triệu đồng

+ Kinh phí chi trả chế độ phụ cấp kinh phí chế độ hỗ trợ phụ cấp thu hút, đãi ngộ đào tạo và luân phiên, tăng cường nguồn nhân lực y tế tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030 (*theo Nghị quyết số 166/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh Quảng Trị*): 82,586 triệu đồng

- Bổ trí thêm kinh phí để thực hiện các chế độ chính sách của TW, Tỉnh: Chế độ chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hướng nghiệp theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; Chế độ chính sách, nghị quyết của cơ quan Đảng, HĐND: Một số chế độ chi tiêu hoạt động của các đảng ủy xã, phường, đặc khu trực thuộc Tỉnh ủy: Quy định số 256-QT/TU ngày 12/8/2025 của Tỉnh ủy; Quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Quảng Trị: Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND tỉnh...

- Bổ trí thêm kinh phí cải tạo, nâng cấp và mua sắm cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị, trường học, Trạm y tế xã.

3. Đối với dự toán thu, chi ngân sách năm 2027:

3.1. Thu ngân sách:

Trên cơ sở ước thực hiện dự toán thu ngân sách năm 2026, UBND xã Hải Lăng kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài chính xem xét giao dự toán thu NSNN, thu ngân sách địa phương được hưởng theo khả năng thực tế của địa phương bảo đảm cân đối và thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách địa phương theo quy định. Trong đó:

Thu ngoài quốc doanh: Dự kiến 10 tỷ (giảm 3,55 tỷ đồng/dự toán giao năm 2026) do thực hiện chế độ miễn giảm theo Luật thuế GTGT

Các khoản thu khác và thu quỹ đất công ích: Theo tình hình thực tế tại địa phương

Tiền sử dụng đất: Dự toán **1 tỷ đồng**, bằng khoảng **11,1%** ước thực hiện năm 2026 là 11 tỷ đồng, giảm **10 tỷ đồng**. Nguyên nhân chủ yếu do quỹ đất có khả năng đưa ra đấu giá, khai thác tạo nguồn thu trong năm 2027 còn rất hạn chế, không còn nhiều dư địa để tạo nguồn thu từ đất như năm 2026. Vì vậy, việc xây dựng dự toán ở mức 1 tỷ đồng nhằm phản ánh sát khả năng thực hiện, tránh xây dựng dự toán cao nhưng không có nguồn bảo đảm.

3.2. Chi ngân sách:

Đề nghị Sở Tài chính tham mưu HĐND, UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh định mức phân bổ chi ngân sách cấp xã phù hợp với mô hình 02 cấp; xem xét cơ chế bổ sung có mục tiêu đối với những nhiệm vụ mới được chuyển giao; trong đó bổ sung định mức chi thường xuyên (sự nghiệp giáo dục, đào tạo; Văn hóa, Thể thao, PT-TH; SN Kinh tế; Chi sự nghiệp KH-CN, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; QP-AN, QLHC...; bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ chính sách của TW, Tỉnh: Chế độ chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hướng nghiệp theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; Chế độ chính sách, nghị quyết của cơ quan Đảng, HĐND: Một số chế độ chi tiêu hoạt động của các đảng ủy xã, phường, đặc khu trực thuộc Tỉnh ủy; Quy định số 256-QT/TU ngày 12/8/2025 của Tỉnh ủy; Quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND tỉnh...;

Bổ sung kinh phí để địa phương thực hiện các nhiệm vụ: Kinh phí cải tạo, nâng cấp và mua sắm cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị, trường học, Trạm y tế xã; chỉnh trang nông thôn mới, vận hành tabmis, ...

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện thu chi ngân sách năm 2026 của UBND xã Hải Lăng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Tài chính (b/cáo);
- BTV Đảng ủy xã (b/cáo);
- TT HĐND xã;
- CT, Các PCT;
- Các Ban HĐND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Đức Phong

**PHỤ LỤC 01: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN
SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Đơn vị tính : Triệu đồng

Nội dung	DT giao năm 2026		Ước TH 9 tháng đầu năm 2026		So sánh TH/DT(%)	
	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã
Tổng số thu	142.789	139.164	160.236	150.916	112,2	108,4
I. Thu ngân sách địa phương	28.395	24.770	29.577	20.257	104,2	81,8
<i>Trong đó: Số thu trừ tiền sử dụng đất</i>	<i>19.395</i>	<i>19.370</i>	<i>17.459</i>	<i>12.940</i>	<i>90,0</i>	<i>66,8</i>
1. Các khoản thu 100%	5.125	5.125	4.296	3.876	83,8	75,6
- Phí, lệ phí	220	220	265	115	120,5	52,3
-Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	320	320	115	115	35,9	35,9
-Thuế sử dụng đất nông nghiệp			73	73		
-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35	35	57	57	162,9	162,9
-Lệ phí trước bạ nhà, đất	4.250	4.250	3.490	3.490	82,1	82,1
-Thu khác	300	300	296	26	98,7	8,7
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	23.270	19.645	25.281	16.381	108,6	83,4
- Thu từ DNNN do địa phương quản lý	0	0	263	263		
-Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài			270			
-Thu từ khu vực kinh tế ngoài doanh	13.650	13.650	10.100	8.000	74,0	58,6
-Thuế thu nhập cá nhân	450	450	680	660	151,1	146,7
- Thu tiền thuê đất	170	145	430	140	252,9	96,6
- Thu tiền sử dụng đất	9.000	5.400	12.118	7.317	134,6	135,5

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			1.420	1		
II. Thu chuyển nguồn	30	30	8.992	8.992		
III. Thu kết dư ngân sách năm trước						
IV. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	114.364	114.364	121.667	121.667	106,4	106,4
1. Bổ sung cân đối ngân sách	73.221	73.221	57.650	57.650	78,7	78,7
2. Bổ sung có mục tiêu	41.143	41.143	64.017	64.017	155,6	155,6

PHỤ LỤC 02: BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị tính : Triệu đồng

Nội dung	DT giao năm 2026		ước TH năm 2026		So sánh TH/DT(%)	
	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
Tổng số thu	142.789	139.164	183.000	173.670	128,2	124,8
I. Thu ngân sách địa phương	28.395	24.770	32.430	23.100	114,2	93,3
<i>Trong đó: Số thu trừ tiền sử dụng đất</i>	<i>19.395</i>	<i>19.370</i>	<i>20.230</i>	<i>15.780</i>	<i>104,3</i>	<i>81,5</i>
1. Các khoản thu 100%	5.125	5.125	5.123	4.682	100,0	91,4
- Phí, lệ phí	220	220	279	139	126,8	63,2
-Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	320	320	130	130	40,6	40,6
-Thuế sử dụng đất nông nghiệp			73	73		
-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35	35	60	60	171,4	171,4
-Lệ phí trước bạ nhà, đất	4.250	4.250	4.250	4.250	100,0	100,0
-Thu khác	300	300	331	30	110,3	10,0
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	23.270	19.645	27.307	18.418	117,3	93,8
- Thu từ DNNN do địa phương quản lý	0	0	267	267		
-Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài			270			
-Thu từ khu vực kinh tế ngoài doanh	13.650	13.650	12.000	10.000	87,9	73,3
-Thuế thu nhập cá nhân	450	450	700	680	155,6	151,1
- Thu tiền thuê đất	170	145	450	150	264,7	103,4
- Thu tiền sử dụng đất	9.000	5.400	12.200	7.320	135,6	135,6
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			1.420	1		

II. Thu chuyển nguồn	30	30	8.992	8.992		
III. Thu kết dư ngân sách năm trước						
IV. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	114.364	114.364	141.578	141.578	123,8	123,8
1. Bổ sung cân đối ngân sách	73.221	73.221	57.650	57.650	79	79
2. Bổ sung có mục tiêu	41.143	41.143	83.928	83.928	204,0	204,0

**PHỤ LỤC 03: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Đơn vị tính : Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DT giao năm 2026 (số đã trừ tiết kiệm)	Chi NS xã 9 tháng đầu năm 2026	So sánh TH/DT(%)
	CHI NGÂN SÁCH	137.535	128.542	93,5
I	Chi đầu tư phát triển	7.800	8.068	103,4
1	Chi đầu tư cho các dự án	7.800	8.068	103,4
	Trong đó:			
-	<i>Chi từ nguồn XDCHB tập trung</i>	<i>2.670</i>	<i>2.327</i>	<i>87,2</i>
-	<i>Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	<i>5.130</i>	<i>3.929</i>	<i>76,6</i>
-	<i>Chi từ nguồn vốn chuyển nguồn năm 2025 sang</i>		<i>1.812</i>	
2	Bổ sung nguồn vốn cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	86.632,0	67.474	77,9
1	Chi GD -ĐT và dạy nghề	53.693,0	42.520	79,2
2	Chi khoa học và công nghệ	287,0	236	82,2
3	Chi Quốc phòng	162,5	132	81,2
4	Chi an ninh và TTAT xã hội	162,5	125	76,9
5	Chi y tế, dân số và gia đình	3.790,0	2.850	75,2
6	Chi Văn hóa thông tin	147,0	120	81,6
7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	83,0	36	43,4
8	Chi thể dục thể thao	83,0	83	100,0
9	Chi bảo vệ môi trường	608,0	320	52,6
10	Chi các hoạt động kinh tế	5.663,0	4.800	84,8
11	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	15.958,0	12.000	75,2
12	Chi đảm bảo xã hội	5.451,0	4.100	75,2

13	Chi thường xuyên khác	544,0	152	27,9
III	Dự phòng ngân sách	1.960	1.000	51,0
IV	Chi tạo nguồn CCTL			
V	Chi CTMT	41.143	52.000	126,4

